

Những khuyến khích về giá trị xã hội cần có đối với trẻ em ASEAN ngày nay: một nghiên cứu mô tả dựa trên sáu quốc gia

Nguyễn Hữu Bình^{1,*}, Trịnh Minh Thiện²



Use your smartphone to scan this QR code and download this article

TÓM TẮT

Nhiều nghiên cứu hiện nay cho thấy cha mẹ có vai trò quan trọng trong việc truyền tải các giá trị xã hội cho con cái và điều này hình thành những chuẩn mực nhất định trong việc đưa ra những lựa chọn có tính quyết định với con của họ. Khai thác dữ liệu thứ cấp từ cuộc nghiên cứu toàn cầu mang tên Khảo sát Giá trị Thế giới giai đoạn 2017-2022, bài viết này bóc tách dữ liệu từ sáu quốc gia ở Đông Nam Á (Indonesia, Malaysia, Myanmar, Thái Lan, Singapore và Việt Nam), xem xét những giá trị xã hội mà trẻ em cần được khuyến khích nên học từ gia đình. Dữ liệu sau xử lý cho thấy các giá trị mà người được khảo sát lựa chọn cao nhất lần lượt là 1) Hành xử tốt; 2) Có trách nhiệm; 3) Khoan dung và biết tôn trọng người khác; 4) Độc lập và 5) Làm việc chăm chỉ. Ngoài ra, bằng kỹ thuật Chi-Square nghiên cứu này cũng tiến hành so sánh sự đánh giá dựa trên một số đặc trưng nhân khẩu học xã hội, kết quả cho thấy yếu tố quốc gia có sự khác biệt về mặt thống kê trong tất cả 11 khía cạnh đo lường, trong khi khu vực sống lần tình trạng hôn nhân chỉ đáp ứng 8/11 khía cạnh và số con trong gia đình là phân tử ít có sự khác biệt nhất. Kết quả từ bài viết này sẽ là nguồn cơ sở mạnh mẽ cho việc phát triển các chính sách phát triển dân số đặc biệt là đối tượng trẻ em ở Đông Nam Á nói chung và Việt Nam nói riêng. Ngoài ra bài viết cũng là sự gợi ý cho các nghiên cứu gia đình và giới tại Việt Nam lên ý tưởng khai thác cơ sở dữ liệu từ tổ chức World Values Survey để phân tích các vấn đề giá trị xã hội tại quốc gia và khu vực.

Từ khóa: giá trị xã hội, ASEAN, Khảo sát Giá trị Thế giới, trẻ em, khuyến khích

1 ĐẶT VẤN ĐỀ

2 Các giá trị giáo dục trong gia đình ngày nay đóng vai
3 trò quan trọng trong việc định hướng và xã hội hóa trẻ
4 em, thanh thiếu niên. Cách thức nào để nuôi dưỡng
5 trẻ trong gia đình hay những đức tính, giá trị nào
6 trẻ nên được khuyến khích học hỏi là những câu hỏi
7 muôn thuở không dễ trả lời¹. Nhiều nghiên cứu cho
8 thấy việc ưu tiên các mục tiêu nội tại của cuộc sống
9 có liên quan đến việc gia tăng hạnh phúc của thanh
10 thiếu niên, vì vậy cha mẹ nên khuyến khích các mục
11 tiêu nội tại trong cuộc sống của trẻ em bằng cách ủng
12 hộ quyền tự chủ của con cái². Ngược lại, nếu như trẻ
13 em ngay khi từ nhỏ đã tiếp nhận các giá trị xã hội lệch
14 lạc thì có thể trở thành gánh nặng về sau cho xã hội.
15 chẳng hạn như nếu cha mẹ thất bại trong việc truyền
16 đạt những hiểu biết về tầm quan trọng của việc cần
17 có các giá trị tốt đẹp từ gia đình, tôn giáo, giáo dục và
18 công việc cho con cái thì sẽ dẫn đến việc trẻ em khi
19 trưởng thành có nguy cơ lạm dụng chất gây nghiện³.
20 Bhatia, S., Hendricks, S., và Bhatia, S. (1993) nhấn
21 mạnh rằng nếu muốn giới trẻ giảm tải việc hút thuốc
22 thì chúng phải được khuyến khích học hỏi nhiều giá
23 trị xã hội tốt đẹp hơn thay vì chỉ cung cấp thông tin
24 tiêu cực về mối nguy hiểm sức khỏe do hút thuốc gây

nên⁴. Các kết quả này nhấn mạnh tầm quan trọng của
các giá trị xã hội tích cực mà trẻ em hay thanh thiếu
niên cần có, ví dụ như đức tính như khoan dung, sẵn
sàng chấp nhận cảm xúc và niềm tin của người khác
(những người không giống với chúng ta), một trong
những đức tính quan trọng của con người và là tài sản
quý giá của thế hệ trẻ⁵.

Một nghiên cứu gần đây cho thấy rằng các yếu tố bên
trong của thanh thiếu niên Gen Z bao gồm yếu tố gia
đình, thành tích học tập và các giá trị văn hóa có ảnh
hưởng mạnh mẽ đến các quyết định của cuộc đời,
chẳng hạn việc lựa chọn chuyên ngành đại học, trong
khi yếu tố bên ngoài như chất lượng giáo dục lại có tác
động không đáng kể⁶. Rabašicová, M., và Rabašic,
L., (2001) khẳng định rằng, đối với những gia đình
mà cha mẹ có những tư duy khác nhau thì thông qua
quá trình xã hội hóa, con cái của họ sẽ dần phát triển
khác nhau¹. Hoặc như El Moussaoui, N., và Braster,
S. (2011) đã phát hiện rằng đánh giá của cha mẹ về sự
phát triển nhận thức của trẻ em cao hay thấp sẽ phụ
thuộc trình độ học vấn của họ⁷. Việc xã hội hóa các
giá trị văn hóa, bản sắc dân tộc và các hành vi ủng hộ
xã hội được cho rằng có tác động thuận chiều từ cha
mẹ xuống con cái, nghĩa là các mô hình, các giá trị
văn hóa truyền thống của cha mẹ ảnh hưởng đến việc

¹Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM, Việt Nam

²Bệnh viện Từ Dũ, TP.HCM, Việt Nam

Liên hệ

Nguyễn Hữu Bình, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM, Việt Nam

Email: nguyennhuubin@hcmussh.edu.vn

Lịch sử

- Ngày nhận: 13-02-2024
- Ngày sửa đổi: 06-7-2024
- Ngày chấp nhận: 19-9-2024
- Ngày đăng:

DOI:



Bản quyền

© ĐHQG Tp.HCM. Đây là bài báo công bố mở được phát hành theo các điều khoản của the Creative Commons Attribution 4.0 International license.



Trích dẫn bài báo này: Bình N H, Thiện T M. Những khuyến khích về giá trị xã hội cần có đối với trẻ em ASEAN ngày nay: một nghiên cứu mô tả dựa trên sáu quốc gia. *Sci. Tech. Dev. J. - Soc. Sci. Hum.* 2024; (0):1-11.

50 thực hành xã hội hóa, tiếp nhận giá trị văn hóa và các
 51 hành vi thân thiện với xã hội của con cái⁸. Vì lẽ này,
 52 nhiều thế hệ cha mẹ đã phải đối mặt với các thách thức
 53 từ con cái của họ vì vốn không có công thức chung
 54 cho việc làm ‘cha mẹ’ cũng như không dễ dàng để học
 55 hỏi việc dạy con từ người khác. Các giá trị giáo dục
 56 nào nên được ưu tiên là một vấn đề riêng của mỗi gia
 57 đình, tuy nhiên rõ ràng là môi trường giáo dục của gia
 58 đình sẽ bị ảnh hưởng bởi những quan niệm chung về
 59 những gì trẻ em nên được dạy và được nuôi dưỡng¹.
 60 Ở cấp độ cao hơn là tầm quốc gia và khu vực, nghiên
 61 cứu của Piquart, M., và Kauser, R. (2018) khi điều
 62 tra mối liên hệ giữa cách thức nuôi dạy con cái với
 63 các vấn đề nội tâm hóa, vấn đề hướng ngoại và thành
 64 tích học tập của trẻ vị thành niên đã phát hiện nhiều
 65 điểm tương đồng về dân tộc và khu vực hơn là giữa các
 66 quốc gia cụ thể⁹. Bất kể các chuẩn mực nuôi dạy con
 67 cái như thế nào hay ở quốc gia/khu vực nào, sự phát
 68 triển của đứa trẻ sẽ được thúc đẩy hay bị kìm hãm phụ
 69 thuộc rất lớn vào sự ảm áp hay thù địch mà cha mẹ
 70 mang lại là những điều mà Teerawichitchainan, B., và
 71 Pothisiri, W. (2021) đúc kết khi nghiên cứu dựa trên
 72 09 quốc gia¹⁰. Tại khu vực Đông Nam Á, Wongboon-
 73 sin, K., và Ruffolo, V. P. (1995) phát hiện có một hiện
 74 tượng tâm lý tương đồng giữa Malaysia, Singapore và
 75 Việt Nam là ưa thích con trai trong khi điều này hoàn
 76 toàn gần như không xuất hiện đối với Indonesia, Thái
 77 Lan hay Philippines¹¹. Ngoại trừ các công trình trên
 78 hầu như không có công trình nào khác bàn về sự khác
 79 biệt trong việc nuôi dạy con cái giữa các quốc gia tại
 80 khu vực. Từ những dữ liệu trên, nghiên cứu này được
 81 thực hiện nhằm giải quyết các mục tiêu nghiên cứu (1)
 82 Tìm hiểu những giá trị xã hội hay phẩm chất nào mà
 83 trẻ em thuộc Đông Nam Á được khuyến khích nên
 84 học hỏi; (2) Xem xét sự khác biệt giữa các quốc gia tại
 85 Đông Nam Á và (3) Sự khác biệt giữa một số yếu tố
 86 như thành thị/nông thôn, tình trạng hôn nhân, số con
 87 trong gia đình đối với việc khoanh vùng những giá trị
 88 mà khuyến khích trẻ em nên có.

89 PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

90 Về nguồn dữ liệu

91 Nghiên cứu này tiếp cận nguồn dữ liệu thứ cấp công
 92 bố gần đây của cuộc khảo sát toàn cầu: Khảo sát
 93 Giá trị Thế giới (WVS). Đây là cuộc khảo sát dựa trên
 94 phương pháp phỏng vấn sâu ở nhiều quốc gia nhằm
 95 điều tra niềm tin và giá trị của con người liên quan đến
 96 nhiều vấn đề xã hội, bao gồm các giá trị mà trẻ em nên
 97 được khuyến khích học ở nhà. WVS là một chương
 98 trình nghiên cứu quốc tế dành cho nghiên cứu khoa
 99 học và học thuật về các giá trị xã hội, chính trị, kinh tế,
 100 tôn giáo và văn hóa của con người trên thế giới. Mục

101 tiêu của dự án là đánh giá sự ổn định hoặc thay đổi
 102 theo thời gian đối với sự phát triển kinh tế, chính trị
 103 và xã hội của các quốc gia và xã hội. Dữ liệu khảo sát
 104 và kết quả của dự án sau xử lý được cung cấp miễn phí
 105 cho cộng đồng và điều này đã biến WVS trở thành một
 106 trong những cuộc khảo sát xuyên quốc gia có tầm
 107 quyền và được sử dụng rộng rãi nhất trong khoa học
 108 xã hội. Hiện tại, WVS là cuộc điều tra chuỗi thời gian
 109 thực nghiệm xuyên quốc gia phi thương mại lớn nhất
 110 về niềm tin và giá trị của con người từng được thực
 111 hiện¹².

112 Khảo sát WVS được thực hiện lần đầu vào năm 1981,
 113 tính đến hết năm 2020 đã trải qua 07 lần sóng (wave)
 114 và kể từ đó đã hoạt động ở hơn 120 quốc gia. Công
 115 cụ nghiên cứu chính của dự án là một cuộc khảo sát
 116 xã hội so sánh mang tính đại diện được thực hiện trên
 117 toàn cầu 5 năm một lần. Dữ liệu trên hệ thống Sco-
 118 pus cho biết từ năm 1989 đến hết năm 2023 đã có hơn
 119 1.700^a bài báo khoa học (Article) viết bằng tiếng Anh
 120 thừa nhận sử dụng dữ liệu từ WVS để khám phá và
 121 phân tích các vấn đề như Giá trị xã hội, thái độ và các
 122 khuôn mẫu; Quan điểm về hạnh phúc; Đánh giá về
 123 tài nguyên con người, niềm tin và quan hệ trong tổ
 124 chức; Các giá trị kinh tế; Chính trị; Di cư; An ninh;
 125 Chỉ số năng lực quốc gia; Khoa học và Công nghệ; Giá
 126 trị tôn giáo; Giá trị đạo đức và Lối sống của các quốc
 127 gia và xuyên quốc gia. Các quốc gia và vùng lãnh thổ
 128 đi đầu trong xu hướng công bố dữ liệu từ WVS lần
 129 lượt là Hoa Kỳ; Vương quốc Anh; Đức; Trung Quốc;
 130 Canada; Hà Lan; Tây Ban Nha; Úc; Ý và Hồng Kông.
 131 Mặc dù WVS nhận một số phê phán cho rằng một số
 132 khía cạnh văn hóa và xã hội của WVS hiện tại không
 133 thể phân biệt rõ ràng nhưng nhìn chung nhóm tác
 134 giả này đồng thuận kết luận WVS không chỉ là nguồn
 135 dữ liệu có tính đại diện cao mà còn là một công cụ
 136 hữu ích để mô hình hóa sự khác biệt giữa các quốc
 137 gia, giúp chúng ta hiểu được tác động của các ưu tiên
 138 và giá trị xã hội đối với các biến số chính trị, kinh tế
 139 và phát triển khác nhau¹³. Gần đây trong lĩnh vực
 140 gia đình và giới, WVS có giá trị khi giúp các học giả
 141 khám phá nhiều chủ đề hẹp như định kiến giới về
 142 đồng tính luyến ái¹⁴, phụ nữ và tín ngưỡng tôn giáo
 143 và đạo đức¹⁵, sự suy giảm mức sinh và yếu tố khuyến
 144 khích có con của phụ nữ ở tuổi sinh sản¹⁶, ảnh hưởng
 145 của trình độ học vấn, gia đình mẫu phụ, giới tính, thế
 146 hệ và quốc gia đối với đánh giá tầm quan trọng của
 147 các giá trị cốt lõi¹⁷ và các chuẩn mực giới ảnh hưởng
 148 như thế nào đến khả năng lao động toàn thời gian của
 149 phụ nữ¹⁸. Nhìn chung, với sự phong phú của dữ liệu

^aNhóm tác giả sử dụng lệnh tìm kiếm “World Values Survey” tại Scopus.com vào ngày 11/02/2024, sau đó giới hạn thời gian (Range - Year) 1989-2023, chỉ chọn “Arcticle” tại hộp “Document type” và “Limited to English” tại hộp lệnh “Language”.

150 từ WVS với hàng trăm nghìn người được chọn tham
151 gia theo phương pháp chọn mẫu đại diện trên hơn 20
152 quốc gia, không có gì ngạc nhiên khi có nhiều nghiên
153 cứu được công bố từ việc sử dụng nguồn dữ liệu này
154 mặc dù nó rất phức tạp¹⁹.

155 Dựa trên việc lấy mẫu ngẫu nhiên phân tầng kết hợp
156 theo cụm đối với người lớn từ 18 tuổi trở lên đối với
157 cuộc khảo sát thứ 7^b (Wave 7)²⁰, bài viết khai thác
158 phản hồi của 10.425 cá nhân đại diện thuộc sáu quốc
159 gia Đông Nam Á đã được sử dụng trong phân tích
160 này bao gồm Indonesia, Malaysia, Myanmar, Singa-
161 pore, Thái Lan và Việt Nam. Dữ liệu trong nghiên
162 cứu này chiếm 89% toàn bộ khách thể thuộc Đông
163 Nam Á tham gia khảo sát, việc khảo sát 6/11 các quốc
164 gia trong khu vực và kết luận mở rộng toàn khu hoàn
165 toàn được ủng hộ cũng như được thực hiện trong một
166 cuộc nghiên cứu trước đó về chủ đề tình dục đồng giới
167 ở ASEAN²¹.

168 Tiêu chí đo lường “Những giá trị khuyến 169 khích trẻ cần có”

170 Dựa theo bộ câu hỏi của WVS, khái niệm này trong
171 bài viết được hiểu là những giá trị, phẩm chất mà
172 người tham gia cuộc khảo sát nhận định có hay không
173 sự quan trọng đối với một số chiều kích đo lường
174 được kết hợp trong một câu hỏi “*Dưới đây là những
175 phẩm chất mà trẻ nhỏ nên được khích lệ học hỏi. Theo
176 anh/chị, những phẩm chất nào là quan trọng nhất?*”
177 với 11 chiều kích đưa ra đo lường bao gồm:

- 178 (1) Hành xử tốt
- 179 (2) Độc lập
- 180 (3) Làm việc chăm chỉ
- 181 (4) Có trách nhiệm
- 182 (5) Trí tưởng tượng
- 183 (6) Khoan dung và biết tôn trọng người khác
- 184 (7) Tiết kiệm, biết dành dụm tiền và nhiều thứ khác
- 185 (8) Có lòng quyết tâm, kiên trì
- 186 (9) Có tín ngưỡng tôn giáo
- 187 (10) Không ích kỷ
- 188 (11) Biết nghe lời

189 Mỗi khách thể khi tham gia khảo sát chỉ được trả lời
190 tối đa 05 chiều kích bằng việc đánh vào ô “Có” và đánh
191 vào ô “Không” đối với các chiều kích còn lại. Đối với
192 tất cả các khảo sát của WVS tại Việt Nam, bản câu
193 hỏi được sử dụng bằng tiếng Việt thay vì tiếng Anh,
194 vì việc này giúp các câu hỏi sau khi đã dịch được đảm
195 bảo tính tương đương về mặt khái niệm²¹.

^bDẫn theo yêu cầu từ WVS: Khi sử dụng dữ liệu sẽ trích dẫn theo [Haerpfer, C., Inglehart, R., Moreno, A., Welzel, C., Kizilova, K., Diez-Medrano J., M. Lagos, P. Norris, E. Ponarin & B. Puranen (eds.). 2022. World Values Survey: Round Seven - Country-Pooled Datafile Version 5.0. Madrid, Spain & Vienna, Austria: JD Systems Institute & WVS Secretariat. doi:10.14281/18241.20].

Ngoài ra, chúng tôi cũng tiến hành chuyển mã một số
196 biến như biến “Tình trạng hôn nhân” thành ba phân
197 tử “Độc thân”, “Đã kết hôn/Sống thử”, “Đã ly hôn/ly
198 thân/Góa”, biến “Có con hay chưa” thành năm phân
199 tử “Không có con”, “Có 1 con”, “Có 2 con”, “Có 3 con”
200 và “Có 4 con trở lên” và biến “Khu vực khảo sát” với
201 hai phân tử “Thành thị” và “Nông thôn”. Mô tả về đặc
202 trưng nhân khẩu học xã hội được trình bày ở bảng 1.
203

Thông qua dữ liệu ở Bảng 1, có thể thấy Indonesia là
204 quốc gia có khách thể tham gia nhiều nhất khi chiếm
205 gần 1/3 số lượng với 3200 người (30,7%), tiếp theo
206 là Singapore với 2012 cá nhân chiếm 19,3%, 14,4%
207 bao gồm 1500 người đến từ Thái Lan, Malaysia chiếm
208 12,6% khi có 1313 người tham gia khảo sát, cuối cùng
209 là Myanmar và Việt Nam có đồng số nhân sự tham
210 gia với 1200 người/quốc gia chiếm 11,5%. Tỷ lệ tham
211 gia khảo sát ở thành thị và nông thôn cũng có sự khác
212 biệt mặc dù không quá đáng kể, 5021 cá nhân được
213 khảo sát ở khu vực thành thị chiếm 48,2% trong khi
214 51,8% còn lại là 5400 người ở nông thôn, có 4 người
215 không đồng ý trả lời khu vực sống của họ. Về tình
216 trạng hôn nhân, phần lớn khách thể khảo sát là người
217 đã kết hôn hoặc trong tình trạng sống thử (71,4%) với
218 7447 người, 20,6% thuộc nhóm độc thân (2151 người)
219 và chưa đến 8% bao gồm 827 người thuộc nhóm ly dị,
220 ly thân và góa. Cuối cùng, những giá trị mà trẻ em
221 khuyến khích nên học cũng được quan tâm. Hơn $\frac{1}{4}$
222 số người được khảo sát chưa có con (2741 người với
223 26,3%), đối với nhóm đã có con, phần lớn là gia đình
224 có 2 con (2995 người với 28,7%), tiếp theo gia đình có
225 1 con (1755 người với 16,8%), 26% còn lại là gia đình
226 có 3 con trở lên, trong đó nhóm có từ 4 con trở lên
227 chiếm 11,2% với 1165 người.
228

Xử lý dữ liệu

Sau khi tiếp cận nguồn dữ liệu từ WVS, nhóm tác giả
230 tiến hành xử lý bằng phần mềm SPSS phiên bản 26.0.
231 Dựa trên bộ dữ liệu gốc, chúng tôi trích xuất dữ liệu
232 được giới hạn trong phạm vi các quốc gia ở Đông Nam
233 Á với mốc thời gian khảo sát là 2018 và 2020 bao gồm
234 06 quốc gia nói trên. Dữ liệu sau khi trích xuất về lần
235 lượt được sử dụng bằng các bước:

- 236 1. Xoá bớt các biến số không dùng đến
- 237 2. Mã hoá lại (Recode) lại biến “Số con trong gia đình”
- 238 3. Thực hiện thống kê mô tả
- 239 4. Thực hiện kiểm định Chi-Square
- 240

Sau khi xử lý dữ liệu, bài viết sử dụng các kết quả được
241 báo cáo từ các nghiên cứu đi trước thuộc cơ sở dữ liệu
242 Scopus để đối chiếu cũng như biện luận thêm cho các
243 phát hiện.
244

Bảng 1: Đặc trưng nhân khẩu học xã hội

Các đặc trưng nhân khẩu học xã hội (N=10.425)		Tần số	Phần trăm
Quốc gia	Indonesia	3200	30,7
	Malaysia	1313	12,6
	Myanmar	1200	11,5
	Singapore	2012	19,3
	Thái Lan	1500	14,4
	Việt Nam	1200	11,5
Tình trạng hôn nhân	Độc thân	2151	20,6
	Đã kết hôn/Sống thử	7447	71,4
	Ly hôn/Ly thân/Góa	827	7,9
Số con	Chưa có con	2741	26,3
	Có 1 con	1755	16,8
	Có 2 con	2995	28,7
	Có 3 con	1542	14,8
	Có 4 con trở lên	1165	11,2
Khu vực khảo sát (N=10.421)	Thành thị	5021	48,2
	Nông thôn	5400	51,8

Nguồn: Tác giả xử lý dựa nguồn dữ liệu WVS (Wave 7) năm 2024

245 KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO 246 LUẬN

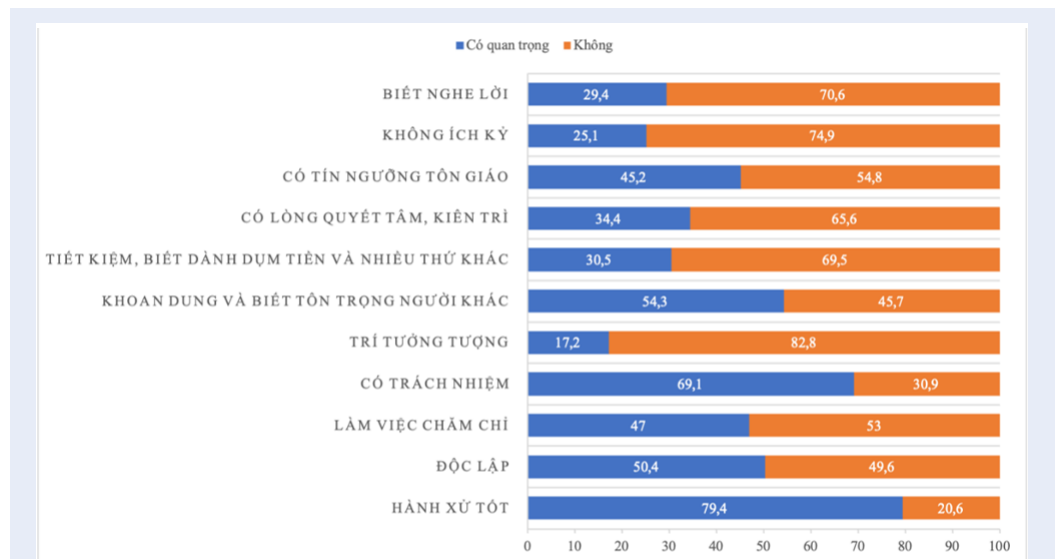
247 Những khuyến khích về giá trị xã hội cần có 248 đối với trẻ em

249 Không thể bàn cãi rằng cha mẹ có vai trò quan trọng
250 trong việc truyền tải các giá trị xã hội cho con cái. Tuy
251 nhiên việc nghiên cứu mối quan hệ giữa việc tiếp thu
252 giá trị và cách thức nuôi dạy con cái được đánh giá là
253 một hướng nghiên cứu ít được quan tâm trong khoa
254 học xã hội và nghiên cứu giáo dục²². Các quan điểm
255 trước đây cho rằng, khi cha mẹ đưa ra các quyết định
256 với con cái, họ đã bị một chuẩn mực có sẵn chi rõ sẽ
257 phải quyết định như thế nào, đặc biệt là những vấn
258 đề liên quan đến sức khỏe và an toàn của trẻ nhỏ²³.

259 Những lập luận trên cho thấy nếu người lớn đánh giá
260 những giá trị nào quan trọng đối với con họ, họ sẽ có
261 xu hướng xã hội hóa con cái theo những giá trị xã hội
262 mà họ đã đề cao.
263 Đối với trẻ em khu vực Đông Nam Á, dữ liệu ở Hình 1
264 cho thấy những trẻ em ‘Hành xử tốt’, ‘Có trách nhiệm’,
265 ‘Khoan dung, biết tôn trọng người khác’, ‘Độc lập’ và
266 ‘Làm việc chăm chỉ’ sẽ là những trẻ phù hợp với giá trị
267 chung của xã hội tại ngày nay vì đây là 05 lý do được
268 người tham gia khảo sát lựa chọn cao nhất. Lý giải
269 cho luận điểm trên, có thể thấy trẻ em được kỳ vọng

270 nhiều nhất là sẽ có những cư xử, hành xử tốt khi có
271 đến 79,4% khách thể nhấn mạnh chủ đề này. Nhiều
272 nghiên cứu chỉ ra việc trẻ em có lối hành xử tốt trong
273 cuộc sống sẽ dẫn đến những thành công và tuân thủ
274 các chuẩn mực xã hội²⁴ cũng như những giá trị đạo
275 đức của cả một dân tộc²⁵. Thêm vào đó, nghiên cứu
276 đi trước cũng khuyến khích trẻ em nên được giáo dục
277 có sự giao tiếp, hành xử tốt vì điều này làm cơ sở cho
278 việc xây dựng xã hội tốt đẹp²⁶.

279 Xã hội với công nghệ hiện đại mở ra những cơ hội
280 nhưng cũng đi kèm theo những rủi ro không thể tránh
281 khỏi. Thay vì đặt niềm tin vào thế hệ tương lai, đặc
282 biệt là khả năng vượt trội của họ trong việc ứng phó
283 với những hậu quả có thể xảy ra do hành động của
284 thế hệ trước gây ra, trẻ em ngày nay được tin rằng
285 cần được giáo dục theo hướng phải nhận thức được
286 những kịch bản tồi tệ nhất xuất phát từ chính hành
287 vi của mình và phải có chiến lược cư xử làm sao cho
288 sự tồn tại trong tương lai của các cá nhân khác, cộng
289 đồng hay thậm chí nhân loại không bị đe dọa²⁷. Vì lẽ
290 đó, trẻ em cũng cần được khuyến khích nên sống có
291 trách nhiệm, trách nhiệm ở đây bao gồm đối với bản
292 thân lẫn cộng đồng, một số học giả tin rằng trẻ em
293 thường phải chịu một số trách nhiệm đối với phúc lợi
294 của cha mẹ - người đã nuôi dưỡng chúng²⁸. Các lập
295 luận này nhằm cho việc giải thích có 69,1% đánh giá



Hình 1: Những giá trị mà trẻ em Đông Nam Á khuyến khích nên có thông qua khảo sát 6/11 quốc gia (Nguồn: Tác giả xử lý dựa nguồn dữ liệu WVS (Wave 7) năm 2024)

đây là giá trị quan trọng thứ hai. Đại dịch Covid-19 đã gây ra tổn thương toàn diện cho xã hội và cũng chính vì vậy, trách nhiệm cá nhân đã được đặt lên hàng đầu²⁹. Sự tập trung vào việc khuyến khích trách nhiệm cá nhân và lòng vị tha được nhiều học giả tin rằng sẽ góp phần phòng chống các dịch bệnh thông qua truyền nhiễm³⁰. Ngoài ra, nếu mọi trẻ em trong độ tuổi đến trường đều có tinh thần trách nhiệm can thiệp khi thấy bạn bè bị bắt nạt, điều này sẽ góp phần to lớn trong việc đẩy lùi nạn bạo lực học đường³¹. Không thể phủ nhận trẻ em cần phải hình thành đạo đức, tôn trọng người khác, bao dung. Ở giai đoạn đầu đời, độ tuổi mầm non được xem là độ tuổi nhạy cảm nhất với việc hình thành tính khoan dung của trẻ em³². Dữ liệu từ hình 1 cho thấy việc trẻ em nên ‘Khoan dung và biết cách tôn trọng người khác’ xếp quan trọng thứ 3 khi 54,3% khách thể đánh giá. Các nghiên cứu về lòng khoan dung đã chỉ ra rằng các xã hội có tinh thần khoan dung thường hoạt động tốt hơn so với những xã hội thiếu lòng khoan dung, cả về mặt kinh tế và xã hội³³. Trong những năm gần đây, các nghiên cứu đã mạnh mẽ ủng hộ những kết quả tích cực của lòng khoan dung. Chẳng hạn như lòng khoan dung mang lại hạnh phúc cho người dân (dẫn theo⁵) và cũng góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế thông qua sự đổi mới và năng suất của nhóm dân tộc thiểu số bằng cách phân bổ lao động và nhân tài trong nước (dẫn theo⁵). Khoan dung hay tôn trọng người khác cũng được định nghĩa là sự cởi mở, toàn diện và đa dạng đối với mọi sắc tộc, chủng tộc và tầng lớp xã hội³⁴. Trong thời đại chủ nghĩa dân túy đang bành

trướng ở phần lớn thế giới, sự khoan dung được đề cao. Sự khoan dung được cho là tài sản có giá trị trong bất kỳ xã hội nào vì nó dường như làm cho nền kinh tế hoạt động tốt hơn bằng cách cho phép sử dụng đầy đủ hơn tài năng con người. Ngoài ra, lòng khoan dung còn trang bị cho trẻ khả năng chịu đựng sự đa dạng, tương tác linh hoạt với những người khác biệt và có cơ hội thành công trong thế giới hội nhập này⁵. Luận của Sieben, I. (2017) thông qua nghiên cứu về di động xã hội cho thấy chỉ những trẻ em vốn có sự bất an, cô lập xã hội, căng thẳng và thất vọng thường sẽ ít ưa thích những phẩm chất hướng đến cộng đồng như lòng khoan dung và tôn trọng người khác³⁵. Ngoài ra, nếu muốn trẻ em xác định rõ và xây dựng bản thân thành một chủ thể dựa trên nhu cầu chung xã hội, các bậc cha mẹ nên chú ý cho con khi tham gia các hoạt động chung không chỉ tập trung vào việc trẻ có cơ hội vui chơi với tư cách cá nhân mà còn nên học cách tự lập và tôn trọng người khác³⁶. Thêm vào đó, để cao sự đa dạng và biết cách tôn trọng người khác là giá trị mà trẻ nên được xã hội hoá khi còn ở trường vì đây là một trong sáu tiêu chí đo lường của quan điểm giáo dục vì sự phát triển bền vững³⁷. Cách đây gần 40 năm, các nghiên cứu cho rằng nếu ý thức về bản sắc được coi là những thay đổi đáng chú ý của tuổi thiếu niên thì khi bước vào độ tuổi thanh niên, thay vì tập trung ngay vào việc xác định mình là ai, mình tin tưởng vào điều gì và sẽ làm gì trong tương lai, các cá nhân chính thức tham gia vào việc thích ứng với những thay đổi về thể chất và nhận thức, trở thành những cá thể tự tin, học cách tự lập, phát triển mới

quan hệ mới với những người cùng giới cũng như khám phá tình yêu và tình dục³⁸. Nhiều năm trở lại đây, đã có những thay đổi đáng kể trong nhận thức về mặt trách nhiệm của cha mẹ đối với con cái đã trưởng thành cũng như những thay đổi trong sự hỗ trợ của cha mẹ, một trong số đó xu hướng nổi bật là để trẻ em phải tự lập về kinh tế khi rời khỏi nhà và cha mẹ không có nghĩa vụ phải giúp đỡ³⁹. Tại Đông Nam Á, thông qua cuộc khảo sát, nghiên cứu nhận được hơn 50% sự đồng tình của người tham gia khảo sát cho rằng trẻ em thời đại ngày nay cần xây dựng tính độc lập và đây cũng là tiêu chí quan trọng thứ tư sau những khuyến khích cư xử tốt, có trách nhiệm, khoan dung – tôn trọng người khác. Mặc dù sự phát triển của trẻ nhỏ phụ thuộc rất lớn vào mức độ ấm áp, nhiệt tình, hữu ích từ môi trường mà cha mẹ tạo ra và hạnh phúc của trẻ thường được tối đa hóa khi cha mẹ hỗ trợ con cái hết mình song song với việc tránh những hình phạt khắc nghiệt⁴⁰ nhưng nhìn chung trẻ em ở độ tuổi từ 6 đến 14 tuổi - giữa thời thơ ấu và đầu tuổi thiếu niên nên được khuyến khích trở nên có năng lực, độc lập, tự nhận thức vì đây là thời kỳ có những tiến bộ phát triển quan trọng giúp hình thành nhận thức về bản sắc của trẻ⁴¹. Nhiều nghiên cứu đã cảnh báo sự khuyến khích độc lập giữa cha mẹ và con nếu không duy trì đủ sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến nỗi sợ và ức chế xã hội của trẻ trong những năm đầu đời⁴². Nhìn về hướng tích cực, thúc đẩy tính độc lập đối với trẻ em cũng là một hình thức cha mẹ hỗ trợ quyền tự chủ cho con cái mình⁴³.

Yếu tố cuối cùng được người khảo sát đánh giá cao (47% mẫu đánh giá), nằm trong топ những giá trị trẻ em được khuyến khích cần có đó chính là sự làm việc chăm chỉ. Xu hướng gần đây cho thấy có sự gia tăng về niềm tin vào nhân tài ví dụ như làm việc chăm chỉ sẽ được đền đáp ở người trưởng thành, nếu một người làm việc với tất cả sự chăm chỉ thì điều này có liên hệ chặt chẽ với việc họ sẽ nỗ lực phấn đấu hết mình để đạt được những mục tiêu và vươn lên một địa vị cao hơn⁴⁴. Bàn về những lợi ích của chăm chỉ, nghiên cứu tìm được sự ủng hộ khi công bố gần đây cho biết tỷ lệ trượt trong kỳ thi tổng kết cuối kỳ của các chuyên gia y tế ở Úc dù là ở bất kỳ chuyên ngành nào đều sẽ cải thiện nếu mọi ứng viên hiểu được chân lý ‘Không có gì thay thế được sự chăm chỉ’, điều này khuyến khích mọi cá nhân nên dành thời gian học tập chuyên sâu từ 1-1,5 năm để có sự chuẩn bị cho các kỳ thi⁴⁵. Một số học giả từ phương Đông cho rằng làm việc chăm chỉ là chưa đủ, nên khuyến khích trẻ vị thành niên làm việc chăm chỉ phải đi kèm với việc có mục tiêu rõ ràng, vì đây cũng là một trong các giá trị mà xã hội phương Đông như Việt Nam, Trung Quốc, Malaysia ám chỉ ý chí mạnh mẽ, lòng dũng cảm và sự can đảm cần có

để vượt qua nghịch cảnh để gặt hái những mục tiêu quan trọng⁴⁶. Làm việc chăm chỉ theo định hướng mục tiêu còn được xem là tư duy, khả năng vượt qua thử thách và chịu trách nhiệm để đạt được mục tiêu đó. Nhiều bậc cha mẹ, thầy cô, thậm chí là trẻ em đang độ tuổi đến trường coi đây là yếu tố thúc đẩy chính cho sự phát triển tích cực của thanh thiếu niên⁴⁷. Ngoài ra, làm việc chăm chỉ, kiên trì, trách nhiệm đi kèm với khả năng giải quyết các khó khăn cũng được xem là một trong các thành tố xác định thanh thiếu niên ngày nay có năng lực giải quyết các vấn đề phức tạp hay không⁴⁸. Một khía cạnh khác, quyền tự quyết còn được xem là một khía cạnh quan trọng của tư duy phát triển của trẻ nhỏ và điều này sẽ bị hạn chế đáng kể nếu như trẻ em không được khuyến khích làm việc chăm chỉ⁴⁹. Không chỉ đối với trẻ em, người trưởng thành đã lập gia đình cũng được khuyến khích nên làm việc chăm chỉ vì điều này cùng với sự cam kết là hai tác động chính giúp các cặp vợ chồng đã có hôn nhân lâu dài quay trở lại cân bằng sau những thời điểm khó khăn vì lý do ngoại tình, áp lực con cái, sức khỏe, tài chính và tổn thương trong cuộc hôn nhân của họ⁵⁰. Mặc dù, yêu cầu từ WVS đối với khách thể tham gia khảo sát chỉ giới hạn 05 yếu tố mà họ cho rằng quan trọng nhất, tuy nhiên chúng tôi cũng tiến hành xem xét một yếu tố có phần tương đối mới đối với Việt Nam đó chính là chiều kích khuyến khích trẻ em nên ‘có tín ngưỡng tôn giáo’. Acevedo, G. A. cùng cộng sự (2015) chỉ ra rằng các tín ngưỡng tôn giáo sẽ là các yếu tố dự báo tích cực mạnh mẽ vào sự tuân thủ quyền lực và cách cư xử tốt, nhưng có tương quan nghịch với trí tuệ, sự độc lập và trí tưởng tượng của trẻ vị thành niên⁵¹. Không nằm trong топ 5, tuy nhiên cũng vẫn có hơn 4700 người (tỉ lệ 45,2%, kém liền kế yếu tố trên hạng chỉ 1,8%) cho rằng trẻ em nên có ‘tín ngưỡng tôn giáo’. Đào sâu hơn, chúng tôi phát hiện ‘tín ngưỡng tôn giáo’ thường được khuyến khích đối với các gia đình di cư hay tị nạn ở phương Tây do việc này được cho là có tác động đến việc nuôi dạy con cái của cha mẹ nhập cư⁵² và là thế mạnh cũng như nguồn lực được trẻ em và gia đình tị nạn sử dụng để vượt qua tình trạng tái định cư, các yếu tố gây căng thẳng do tiếp biến văn hóa và tái định cư khi họ tự kiếm sống⁵³.

Sự khác biệt dựa trên Nhân khẩu học xã hội

Dựa trên kỹ thuật Chi-Square phân tích sự khác biệt giữa các quốc gia với 11 chiều kích đo lường, chúng tôi phát hiện sự khác biệt có ý nghĩa đối với thống kê trong tất cả 11 chiều kích ($p=0,000$) hay nói cách khác có sự khác biệt trong lựa chọn các khuyến khích giá trị xã hội của các quốc gia (Bảng 2). Cụ thể, nghiên cứu

Bảng 2: So sánh các giá trị xã hội quan trọng khuyến khích trẻ nên có giữa các đặc trưng nhân khẩu học xã hội (Quốc gia, khu vực sống, tình trạng hôn nhân, số con)

Đặc trưng nhân khẩu học xã hội	Các giá trị xã hội quan trọng khuyến khích trẻ nên có (Đơn vị %)															
	Q7[1]*	Q8[2]*	Q9[3]*	Q10[4]*	Q12[5]*	Q11[6]	Q13[7]	Q14[8]	Q15[9]	Q16[10]	Q17[11]					
Quốc gia																
Indonesia	86,2	56,9	39,7	74,5	47,1	6,8	20,5	22,5	76,1	14,2	31,7					
Malaysia	81,6	55,1	32,9	74,9	69,0	9,3	38,7	23,5	59,7	18,5	13,0					
Thái Lan	79,6	43,2	69,5	68,6	52,2	23,7	37,7	46,3	20,0	34,1	18,3					
Myanmar	65,5	37,1	45,7	47,1	50,7	41,4	34,7	43,4	52,6	31,5	50,0					
Singapore	79,4	55,6	48,9	72,8	64,5	14,0	32,2	40,0	24,8	27,0	17,1					
Việt Nam	72,4	41,6	51,7	64,6	46,3	26,2	32,1	45,1	5,0	40,8	55,1					
p < 0,01	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000					
Khu vực sống																
Thành thị	79,4	53,0	46,8	72,7	60,5	15,8	29,8	35,7	39,5	26,7	22,9					
Nông thôn	79,4	48,0	47,1	65,8	48,5	18,4	31,1	33,2	50,4	23,7	35,4					
p < 0,01	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,006	0,000	0,000	0,000					
Tình trạng hôn nhân																
Độc thân	80,2	50,2	46,8	69,0	53,4	16,8	30,2	33,6	46,6	24,3	30,7					
Đã kết hôn/Sống thử	77,3	51,9	54,4	67,0	52,5	15,0	30,4	29,7	44,6	23,6	27,3					
Ly hôn/Ly thân/Góa	77,3	50,4	44,9	70,1	57,8	19,2	31,3	39,2	40,4	28,7	25,6					
p < 0,01	0,004	0,000	0,000	0,000	0,001	0,009	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000					
Số con trong gia đình																
Chưa có con	78,3	49,7	44,5	69,8	57,1	18,5	31,0	37,9	41,4	28,8	26,3					
Có 1 con	78,2	49,7	43,9	68,0	53,7	19,5	30,4	34,5	46,5	24,1	32,6					
Có 2 con	79,9	51,4	46,7	69,9	53,7	16,7	30,9	34,0	42,0	25,2	31,7					
Có 3 con	81,2	51,8	48,0	68,8	54,8	14,1	29,7	30,4	51,0	22,8	28,5					
Trên 3 con	80,3	50,2	52,5	65,6	48,7	15,3	28,6	29,2	58,0	19,1	29,9					
p < 0,01	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000					

* những chiều kích được đánh giá cao nhất ở toàn bộ ASEAN nói chung

[1] Hành xử tốt; [2] Độc lập; [3] Làm việc chăm chỉ; [4] Có trách nhiệm; [5] Khoan dung và biết tôn trọng người khác; [6] Trách nhiệm; [7] Tiết kiệm, biết dành dụm tiền và nhiều thứ khác; [8] Có lòng quyết tâm, kiên trì; [9] Có tín ngưỡng tôn giáo; [10] Không ích kỷ; [11] Biết nghe lời.

Nguồn: Tác giả xử lý dựa nguồn dữ liệu WVS (Wave 7) năm 2024

462 ghi nhận Indonesia, Malaysia và Myanmar là các quốc
 463 gia đánh giá yếu tố ‘Có tín ngưỡng tôn giáo’ cao hơn
 464 các quốc gia còn lại và có sự khác biệt so với xu hướng
 465 chung của ASEAN, tuy nhiên Indonesia và Malaysia
 466 đánh giá cao tín ngưỡng tôn giáo thay vì mong chờ trẻ
 467 em ‘làm việc chăm chỉ’ trong khi Myanmar lại ít xem
 468 trọng việc trẻ em cả yếu tố ‘làm việc chăm chỉ’ lẫn ‘độc
 469 lập’ mà lại khuyến khích con cái họ có tín ngưỡng tôn
 470 giáo cao (52,6%), trong khi chính quốc gia này bậc
 471 cha mẹ biết rõ con cái của họ sẽ có thể trở thành nạn
 472 nhân của bạo lực vì Schissler, M. và cộng sự (2017)
 473 chỉ ra Myanmar là nơi xảy ra bạo lực nghiêm trọng
 474 giữa các cộng đồng Phật giáo và Hồi giáo⁵⁴. Đức tin
 475 tôn giáo có tầm quan trọng hơn nhiều yếu tố khác
 476 đối với cuộc sống hàng ngày ở Indonesia so với nhiều
 477 quốc gia trong khu vực. Người Indonesia theo đạo
 478 Hồi, Thiên chúa giáo và Ấn giáo rất coi trọng việc thực
 479 hành đức tin của mình. Sống một cuộc sống tốt đẹp
 480 trên trái đất một cách hợp lý bao gồm việc thực hành
 481 tôn giáo, nói lên sự hài hòa và trật tự phi vật chất, cũng
 482 như thế giới bên kia (hoặc kiếp sau). Trên thực tế, bất
 483 kỳ sự tuyên dương nào về việc một cá nhân “tốt” ở In-
 484 donesia đều hàm ý mạnh mẽ về đạo đức, đức tin tôn
 485 giáo của cá nhân này⁵⁵. Bên cạnh đó, ngôn ngữ, văn
 486 hóa và tôn giáo được xem như những dấu hiệu nhận
 487 dạng thống trị ở Malaysia – một quốc gia được đánh
 488 giá không có xung đột tôn giáo⁵⁶ vì lẽ đó trẻ em ở các
 489 quốc gia này được kỳ vọng sẽ có tín ngưỡng tôn giáo
 490 cao hơn so với một số quốc gia khác. Một số học giả
 491 đã thành công trong việc tìm ra bằng chứng rằng lòng
 492 tự trọng và sự kiên trì khi đối mặt với nghịch cảnh có
 493 thể dự đoán mức lương của người lao động⁵⁷, do đó
 494 điều này giải thích cho việc một số quốc gia như Thái
 495 Lan hay Việt Nam mong chờ trẻ em của đất nước họ
 496 nên có lòng quyết tâm và sự kiên trì thay vì độc lập hay
 497 làm việc chăm chỉ vì điều này có thể giúp trẻ em sẽ có
 498 những lợi thế nhất định khi trưởng thành và tham gia
 499 vào thị trường lao động. Smokowski, P. và cộng sự
 500 (1999) tin rằng các thuộc tính bên trong như sự kiên
 501 trì, quyết tâm sẽ hỗ trợ trẻ xuyên suốt quá trình giảm
 502 thiểu rủi ro mà môi trường xã hội mang lại⁵⁸. Một
 503 yếu tố khác được các quốc gia như Việt Nam và Thái
 504 Lan để cao đó chính là sự vâng lời. Sự vâng lời cùng
 505 với 05 yếu tố khác như chăm sóc, tôn trọng, chào hỏi,
 506 hạnh phúc và hỗ trợ tài chính được xem như là thước
 507 đo của lòng hiếu thảo và chăm sóc đối với người cao
 508 tuổi, đặc biệt là thế hệ ông bà trong gia đình⁵⁹. Trong
 509 bối cảnh của sự già hóa dân số như hiện nay, đặc biệt
 510 là ở các quốc gia như Myanmar, Thái Lan và Việt Nam,
 511 việc sắp xếp cuộc sống và hỗ trợ gia đình cho người
 512 cao tuổi đang trở thành một mối quan tâm hàng đầu
 513 về mặt chính sách, bất chấp nhiều quan điểm đáng lo
 514 ngại về gánh nặng của người cao tuổi đối với gia đình

515 và xã hội, đặc biệt là ở khu vực Châu Á⁶⁰. Các cuộc
 516 khảo sát gần đây ở Myanmar, Thái Lan và Việt Nam
 517 cho thấy một tỷ lệ đáng kể những người từ 60 tuổi
 518 trở lên sống cùng cháu – những cá nhân hỗ trợ chăm
 519 sóc ông bà⁶¹. Các lập luận này phần nào có thể giải
 520 thích việc Việt Nam và Myanmar có sự khuyến khích
 521 trẻ em biết vâng lời cao hơn các quốc gia còn lại trong
 522 đó đáng chú ý là Việt Nam có tỉ lệ cao gấp 3 lần so
 523 với Thái Lan, Malaysia và Singapore. Mặc dù, trong
 524 10.425 người tham gia khảo sát, dân số Singapore chỉ
 525 chiếm 19,2% (2012 người tham gia khảo sát) nhưng
 526 đây là quốc gia duy nhất có sự đánh giá tương đồng
 527 trong 05 giá trị với dữ liệu chung của 6/11 quốc gia
 528 ASEAN (Bảng 1). Singapore cùng với Malaysia và In-
 529 donesia cũng là nhóm nước đánh giá cao sự độc lập
 530 của trẻ so với các quốc gia còn lại. Điều này góp phần
 531 củng cố phát hiện đi trước cho rằng các bậc cha mẹ
 532 gốc Hoa hoặc người nhập cư gốc Hoa ở Châu Á có xu
 533 hướng đánh giá cao hơn về khuyến khích sự độc lập
 534 của trẻ, chú trọng vào thành tích và hạn chế bớt khả
 535 năng kiểm soát của cha mẹ so với các xã hội phương
 536 Tây⁶². Dựa vào các phân tích bên trên,

Sự khác biệt dựa trên một số yếu tố khác

537
 538 Nghiên cứu này cũng xem xét một số yếu tố khác như
 539 khu vực sống, tình trạng hôn nhân và số con trong hộ
 540 gia đình đối với các đánh giá (Bảng 2). Trong các bối
 541 cảnh khác nhau về địa lý, các sắc thái văn hóa có thể
 542 tác động đến cách thức và thực hành nuôi dạy con
 543 cái⁶³. Chúng tôi tìm được sự ủng hộ cho lập luận
 544 trên khi nhận thấy ở biến số “khu vực sống”, xu hướng
 545 đánh giá giữa khu vực thành thị và nông thôn tương
 546 đối khác biệt nhau bất chấp việc các quan điểm ‘hành
 547 xử tốt’, ‘làm việc chăm chỉ’ và ‘tiết kiệm, biết dành dụm
 548 tiền và nhiều thứ khác’ không có sự khác biệt có ý
 549 nghĩa thống kê. Nhìn chung, người được khảo sát ở
 550 thành thị có sự đánh giá giống với xu hướng chung
 551 toàn ASEAN trong khi đó ở khu vực nông thôn lại
 552 để cao việc trẻ em nên có ‘tín ngưỡng tôn giáo’, tuy
 553 nhiên vì giới hạn phạm vi nghiên cứu nên đây cũng
 554 là một hạn chế khi nhóm chưa thể đi sâu vào phân
 555 tích sự khác biệt giữa nông thôn/thành thị của từng
 556 quốc gia được chọn khảo sát. Ngoài ra, đối với thành
 557 thị, dân cư để cao các giá trị ‘độc lập’, ‘có trách nhiệm’,
 558 ‘khoan dung và biết tôn trọng người khác’, ‘có lòng
 559 quyết tâm, kiên trì’ và ‘không ích kỷ’ cao hơn so với
 560 nông thôn. Những yếu tố còn lại bao gồm ‘trí tưởng
 561 tượng’, ‘có tín ngưỡng tôn giáo’ và ‘biết vâng lời’ được
 562 người dân ở nông thôn để cao hơn thành thị. Bên
 563 cạnh đó, yếu tố tình trạng hôn nhân được ghi nhận là
 564 có sự phù hợp với xu hướng chung của toàn bộ dữ liệu
 565 nhất mặc dù ghi nhận có 8/11 chiều kích đo lường có

566 sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p=0,000$, Bảng 2).
 567 Biến số cuối cùng được quan tâm là vấn đề số con của
 568 gia đình. ‘Hành xử tốt’, ‘độc lập’, ‘có trách nhiệm’ và
 569 ‘tiết kiệm, biết dành dụm tiền và nhiều thứ khác’ là
 570 các chiều kích dù là có con hay không, nhiều hay ít
 571 đều đánh giá không có sự khác biệt với nhau. Đối với
 572 yếu tố khuyến khích con ‘làm việc chăm chỉ’, chúng
 573 tôi phát hiện gia đình có con càng nhiều thì mức độ
 574 ủng hộ càng cao ($p=0,000$, Bảng 2), ngược lại đối với
 575 các nhóm yếu tố ‘khoan dung và biết tôn trọng người
 576 khác’, ‘có lòng quyết tâm, kiên trì’ và ‘không ích kỷ’
 577 nếu gia đình càng đông con, cha mẹ có xu hướng ít
 578 khuyến khích càng quan điểm này so với các gia đình
 579 có ít con cái.

580 KẾT LUẬN

581 Như vậy, thông qua một khảo sát đối với sáu quốc gia,
 582 bài viết đã chỉ ra các giá trị mà trẻ em Đông Nam Á
 583 được khuyến khích nên có để thích nghi với bối cảnh
 584 ngày nay. Các giá trị được đánh giá lần lượt từ cao
 585 xuống thấp bao gồm: Hành xử tốt – Có trách nhiệm
 586 – Độc lập – Khoan dung, biết tôn trọng người khác và
 587 cuối cùng là Làm việc chăm chỉ. Các kết quả này bổ
 588 sung cho một nghiên cứu đi trước (dựa trên 37 quốc
 589 gia) khi cho thấy rằng cha mẹ châu Á thường hướng
 590 con mình đến việc hành xử tốt trong gia đình và nên
 591 có trách nhiệm⁶⁴. Ngoài ra, yếu tố ‘có tín ngưỡng tôn
 592 giáo’, ‘biết vâng lời’, ‘trí tưởng tượng’ cũng nên được
 593 xem xét ở một số bối cảnh cụ thể như là quốc gia, khu
 594 vực sống. Yếu tố hầu như ít được quan tâm và khuyến
 595 khích trẻ em đó là ‘tiết kiệm, biết dành dụm tiền và
 596 nhiều thứ khác’.

597 Bàn về sự khác biệt giữa các quốc gia, chúng tôi ghi
 598 nhận hầu như chỉ có Singapore là không có sự khác
 599 biệt đối với xu hướng chung của Đông Nam Á, trong
 600 khi các quốc gia khác phần nào có sự khác biệt. Ví dụ
 601 như Indonesia, Malaysia và Myanmar hướng đến việc
 602 khuyến khích trẻ em có tôn giáo, vì điều này có liên
 603 quan đến các địa vị trong xã hội⁵⁴⁻⁵⁶ cũng như đặc
 604 điểm chung của khu vực được đánh giá là nơi có sự đa
 605 dạng về tôn giáo⁶⁵. Bên cạnh đó, Thái Lan, Việt Nam
 606 lại muốn trẻ em nên có sự kiên trì và quyết tâm và
 607 Myanmar, Việt Nam lại mong muốn trẻ biết vâng lời
 608 vì điều này có liên đới đến việc chăm sóc ông bà cao
 609 tuổi⁵⁹⁻⁶¹. Nhìn chung các quốc gia đều có sự đồng
 610 thuận ở các nhóm yếu tố ‘hành xử tốt’ và ‘khoan dung,
 611 tôn trọng người khác’, sự lựa chọn phổ biến của các
 612 quốc gia tham gia khảo sát’.

613 Song song đó, nghiên cứu tiến hành xem xét một số
 614 yếu tố còn lại như khu vực sinh sống của người được
 615 khảo sát, tình trạng hôn nhân, số con trong gia đình
 616 và nhận thấy có sự khác nhau mạnh mẽ giữa thành thị
 617 và nông thôn. Có hơn 50% người tham gia khảo sát ở

618 nông thôn nhận định con em nên có ‘tín ngưỡng tôn
 619 giáo’, trong khi người dân được khảo sát ở thành thị lại
 620 muốn con em mình nên học cách ‘khoan dung và biết
 621 tôn trọng người khác’. Tình trạng hôn nhân là biến
 622 số mặc dù ghi nhận sự khác biệt về ý nghĩa thống kê
 623 nhưng đây được xem là yếu tố ít phát hiện sự khác biệt
 624 nhất. Cuối cùng, chúng tôi cũng phát hiện rằng gia
 625 đình càng đông con càng có xu hướng khuyến khích
 626 con em nên ‘làm việc chăm chỉ’, trong khi đó lại có xu
 627 hướng giảm sự yêu cầu đối với các giá trị hướng đến
 628 cộng đồng như ‘khoan dung và biết tôn trọng người
 629 khác’, ‘có lòng quyết tâm, kiên trì’ và ‘không ích kỷ’.
 630 Mặt khác, nghiên cứu này cũng còn tồn tại một số hạn
 631 chế về cơ sở dữ liệu và cách tiếp cận. Mặc dù WVS là
 632 một nguồn tài nguyên quý giá cho nghiên cứu về giá
 633 trị và niềm tin của con người trên toàn thế giới^{12,19},
 634 tuy nhiên WVS gặp một số rào cản vì đôi khi mẫu
 635 không đại diện đầy đủ và khoa học ở một số quốc gia
 636 cũng như sự không đồng nhất trong cách hiểu và trả
 637 lời câu hỏi của người tham gia khảo sát. Thêm vào đó,
 638 việc khảo sát ở các quốc gia ở những thời điểm khác
 639 nhau cũng làm cho các phát hiện bị thiếu đồng nhất
 640 về thời gian. Ngoài ra, các phát hiện trong bài cũng
 641 gặp nhiều rào cản khi chỉ là một nghiên cứu mô tả
 642 dựa vào dữ liệu thứ cấp từ một cuộc nghiên cứu quy
 643 mô lớn kết hợp với nguồn tài liệu thứ cấp từ cơ sở dữ
 644 liệu Scopus. Điều này đặt ra cho sự khuyến khích cho
 645 các nghiên cứu chuyên sâu và có sự thực nghiệm để
 646 đưa ra những kết luận có tính thuyết phục hơn.

647 Bài viết này đóng vai trò quan trọng trong việc định
 648 hình các chính sách phát triển dân số, đồng thời cung
 649 cấp thông tin cần thiết để thúc đẩy sự phát triển toàn
 650 diện cho đối tượng trẻ em ở Đông Nam Á nói chung
 651 và Việt Nam nói riêng. Việc khai thác và phân tích
 652 dữ liệu từ nghiên cứu toàn cầu về giá trị xã hội nên
 653 được gia đình chú ý trong việc nuôi dạy trẻ em, mang
 654 lại một cơ sở vững chắc cho việc xây dựng các chính
 655 sách phát triển dân số, đặc biệt là đối với đối tượng trẻ
 656 em ở Đông Nam Á nói chung và Việt Nam nói riêng.
 657 Các kết quả được trình bày ở trên không chỉ chỉ ra
 658 những giá trị xã hội mà cha mẹ cần khuyến khích con
 659 cái học hỏi, mà còn làm nổi bật sự đa dạng và sự khác
 660 biệt về quan điểm giữa các quốc gia trong khu vực. Sự
 661 nhận thức về những yếu tố này là quan trọng để tạo ra
 662 các chính sách phù hợp với văn hóa và ngữ cảnh địa
 663 phương, giúp nâng cao chất lượng cuộc sống và tương
 664 lai của trẻ em.

665 DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

666 WVS: World Values Survey

667 XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

668 Bản thảo này không có xung đột lợi ích

669 ĐÓNG GÓP CỦA TÁC GIẢ

670 Tác giả Nguyễn Hữu Bình: Lên ý tưởng, viết phần
671 đặt vấn đề, phương pháp nghiên cứu, kết luận và một
672 phần kết quả và bàn luận, chỉnh sửa format.
673 Tác giả Trịnh Minh Thiện: Xử lý số liệu, thiết kế bảng
674 và biểu, viết một phần kết quả và bàn luận.

675 TÀI LIỆU THAM KHẢO

676 1. Rabušicová M, Rabušic L. Which qualities should children be
677 encouraged to learn at home? Czech Sociological Review.
678 2001;123-142;.
679 2. Lekes N, Gingras I, Philippe FL, Koestner R, Fang J. Parental
680 autonomy-support, intrinsic life goals, and well-being among
681 adolescents in China and North America. J Youth Adolesc.
682 2010;39:858-869;PMID: 19771500. Available from: [https://doi.
683 org/10.1007/s10964-009-9451-7](https://doi.org/10.1007/s10964-009-9451-7).
684 3. Harbach RL, Jones WP. Family beliefs among adolescents at
685 risk for substance abuse. J Drug Educ. 1995;25(1):1-9;PMID:
686 7776145. Available from: [https://doi.org/10.2190/Y0ND-
688 8UG8-MLQR-6NWM](https://doi.org/10.2190/Y0ND-
687 8UG8-MLQR-6NWM).
689 4. Bhatia S, Hendricks S, Bhatia S. Attitudes toward and beliefs
690 about smoking in grade school children. Int J Addict.
691 1993;28(3):271-280;PMID: 8440538. Available from: [https://
693 doi.org/10.3109/10826089309039628](https://
692 doi.org/10.3109/10826089309039628).
694 5. Majeed MT. Quality of institutions and transmission of social
695 traits: The case of tolerance. Int J Community Well-
696 Being. 2020;3(1):1-19;Available from: [https://doi.org/10.1007/
698 s42413-019-00043-9](https://doi.org/10.1007/
697 s42413-019-00043-9).
699 6. Aryani F, Umar N. Factors affecting Z generation on selecting
700 majors in the university: An Indonesian case. J Soc Stud Educ
701 Res. 2020;11(3):109-133;.
702 7. El Moussaoui N, Braster S. Perceptions and practices of stimu-
703 lating children's cognitive development among Moroccan
704 immigrant mothers. J Child Fam Stud. 2011;20:370-383;PMID:
705 21654917. Available from: [https://doi.org/10.1007/s10826-
707 010-9401-8](https://doi.org/10.1007/s10826-
706 010-9401-8).
708 8. Knight GP, Carlo G, Mahrer NE, Davis AN. The socialization
709 of culturally related values and prosocial tendencies among
710 Mexican-American adolescents. Child Dev. 2016;87(6):1758-
711 1771;.
712 9. Pinquart M, Kauser R. Do the associations of parenting styles
713 with behavior problems and academic achievement vary by
714 culture? Results from a meta-analysis. Cultural Divers Ethnic
715 Minor Psychol. 2018;24(1):75;PMID: 28394165. Available from:
716 <https://doi.org/10.1037/cdp0000149>.
717 10. Teerawichitchainan B, Pothisiri W. Expansion of Thailand's social
718 pension policy and its implications for family support
719 for older persons. Int J Soc Welf. 2021;30(4):428-442;Available
720 from: <https://doi.org/10.1111/ijsw.12481>.
721 11. Wongboonsin K, Ruffolo VP. Sex preference for children in
722 Thailand and some other South-East Asian countries. Asia Pac
723 Popul J. 1995;10:43-62;PMID: 12290694. Available from: [https://
725 doi.org/10.18356/53df8d71-en](https://
724 doi.org/10.18356/53df8d71-en).
726 12. World Values Survey. Accessed February 11, 2024;Available
727 from: <https://www.worldvaluessurvey.org/WVSContents.jsp>.
728 13. Allison L, Wang C, Kaminsky J. Religiosity, neutrality, fairness,
729 skepticism, and societal tranquility: A data science analysis
730 of the World Values Survey. PLoS One. 2021;16(1);PMID:
731 33428664. Available from: [https://doi.org/10.1371/journal.
733 pone.0245231](https://doi.org/10.1371/journal.
732 pone.0245231).
734 14. Lin Z, Lee J. Changing attitudes toward homosexuality in
735 South Korea, 1996-2018. Soc Sci Res. 2024;118:102972;PMID:
736 38336423. Available from: [https://doi.org/10.1016/j.sresresearch.
738 2023.102972](https://doi.org/10.1016/j.sresresearch.
737 2023.102972).

736 from: <https://doi.org/10.1177/00846724231197239>.
737 16. Voicu M, Papuc RM. Fertility in Romania: The delay of
738 the second gender revolution. Transylvanian Rev Adm Sci.
739 2023;19(69):133-149;Available from: [https://doi.org/10.24193/
741 tras.69E.8](https://doi.org/10.24193/
740 tras.69E.8).
742 17. Koshy P, Cabalu H, Valencia V. Higher education and the im-
743 portance of values: Evidence from the World Values Sur-
744 vey. Higher Educ. 2023;85(6):1401-1426;Available from: [https://
746 doi.org/10.1007/s10734-022-00896-8](https://
745 doi.org/10.1007/s10734-022-00896-8).
747 18. Cislighi B, Bhatia A, Hallgren EST, Horanieh N, Weber AM,
748 Darmstadt GL. Gender norms and gender equality in full-
749 time employment and health: A 97-country analysis of the
750 world values survey. Front Psychol. 2022;13:689815;PMID:
751 35769749. Available from: [https://doi.org/10.3389/fpsyg.2022.
753 689815](https://doi.org/10.3389/fpsyg.2022.
752 689815).
754 19. Ludeke SG, Larsen EG. Problems with the big five assessment
755 in the World Values Survey. Pers Individ Differ. 2017;112:103-
756 105;Available from: <https://doi.org/10.1016/j.paid.2017.02.042>.
757 20. Haerper C, Inglehart R, Moreno A, Welzel C, Kizilova K, Diez-
758 Medrano J, Lagos M, Norris P, Ponarín E, Puranen B, editors.
759 World Values Survey: Round Seven - Country-Pooled Datafile
760 Version 5.0. Madrid, Spain & Vienna, Austria: JD Systems Insti-
761 tute & WVSA Secretariat; 2022;.
762 21. Manalastas EJ, Ojanen TT, Torre BA, Ratanashevorn R, Hong
763 BCC, Kumaresan V, Veeramuthu V. Homonegativity in South-
764 east Asia: Attitudes toward lesbians and gay men in Indone-
765 sia, Malaysia, the Philippines, Singapore, Thailand, and Viet-
766 nam. Asia Pac Soc Sci Rev. 2017;17(1):25-33;Available from:
767 <https://doi.org/10.59588/2350-8329.1120>.
768 22. Dore RA, Stone ER, Buchanan CM. A social values analy-
769 sis of parental decision making. J Psychol. 2014;148(4):477-
770 504;PMID: 24946390. Available from: [https://doi.org/10.1080/
772 00223980.2013.808603](https://doi.org/10.1080/
771 00223980.2013.808603).
773 23. Ulu E, Erdentuğ G. The relationship between 5-year-old chil-
774 dren's social value acquisition and parenting styles. Qual
775 Quant. 2018;52(Suppl 2):1137-1149;Available from: [https://
777 doi.org/10.1007/s11135-017-0564-x](https://
776 doi.org/10.1007/s11135-017-0564-x).
778 24. Palm C, Ganuza N, Hedman C. Language use and invest-
779 ment among children and adolescents of Somali heritage in
780 Sweden. J Multiling Multicult Dev. 2019;40(1):64-75;Available
781 from: <https://doi.org/10.1080/01434632.2018.1467426>.
782 25. Chan K, Zhang H, Wang I. Materialism among adolescents in
783 urban China. Young Consum. 2006;7(2):64-77;Available from:
784 <https://doi.org/10.1108/17473610610701510>.
785 26. Hurlley JJ, Wehby JH, Feurer ID. The social validity assessment
786 of social competence intervention behavior goals. Top Early
787 Child Spec Educ. 2010;30(2):112-124;Available from: [https://
789 doi.org/10.1177/0271121409359426](https://
788 doi.org/10.1177/0271121409359426).
790 27. De Zwart JG. A responsibility diptych: Two workshops on
791 philosophical ethics. In: Proceedings of the 40th SEFI Annual
792 Conference 2012 - Engineering Education 2020: Meet the Fu-
793 ture. 2012;.
794 28. Allan G. Kinship, responsibility and care for elderly people.
795 Ageing Soc. 1988;8(3):249-268;Available from: [https://doi.org/
797 10.1017/S0144686X00006930](https://doi.org/
796 10.1017/S0144686X00006930).
798 29. King R, Lifshay J, Nakayiwa S, Katuntu D, Lindkvist P, Bunnell R.
799 The virus stops with me: HIV-infected Ugandans' motivations
800 in preventing HIV transmission. Soc Sci Med. 2009;68(4):749-
801 757;PMID: 19101063. Available from: [https://doi.org/10.1016/
803 j.socscimed.2008.11.008](https://doi.org/10.1016/
802 j.socscimed.2008.11.008).
804 30. Gilliam A, Schwartz DB, Godoy R, Boduroglu A, Gutches A.
805 Does state tightness-looseness predict behavior and attitudes
806 early in the COVID-19 pandemic in the USA? J Cross Cult
807 Psychol. 2022;53(5):522-542;Available from: [https://doi.org/
809 10.1177/00220221221077710](https://doi.org/
808 10.1177/00220221221077710).
810 31. Garandeau CF, Turunen T, Saarento-Zaprudin S, Salmivalli C.
811 Effects of the KiVa anti-bullying program on defending behav-
812 ior: Investigating individual-level mechanisms of change. J
813 Sch Psychol. 2023;99:101226;PMID: 37507180. Available from:
814 <https://doi.org/10.1016/j.jsp.2023.101226>.
815 32. Sannikova ES. Game role in formation of tolerance of

807 preschool children to persons with disabilities. *Perspektiv*
 808 *Nauki i Obrazovania*. 2018;31(1):241-4;.

809 33. Berggren N, Nilsson T. Market institutions bring toler-
 810 ance, especially where there is social trust. *Appl Econ Lett*.
 811 2014;2(17):1234-7; Available from: [https://doi.org/10.1080/](https://doi.org/10.1080/13504851.2014.922666)
 812 [13504851.2014.922666](https://doi.org/10.1080/13504851.2014.922666).

813 34. Florida R. Cities and the creative class. *City Community*.
 814 2003;2(1):3-19; Available from: [https://doi.org/10.1111/1540-](https://doi.org/10.1111/1540-6040.00034)
 815 [6040.00034](https://doi.org/10.1111/1540-6040.00034).

816 35. Sieben I. Child-rearing values: The impact of intergenerational
 817 class mobility. *Int Sociol*. 2017;32(3):369-90; PMID: 30443099.
 818 Available from: <https://doi.org/10.1177/0268580917693954>.

819 36. Einarsdóttir J. Icelandic parents' views on the national policy
 820 on early childhood education. *Early Years*. 2010;30(3):229-
 821 42; Available from: [https://doi.org/10.1080/09575146.2010.](https://doi.org/10.1080/09575146.2010.509059)
 822 [509059](https://doi.org/10.1080/09575146.2010.509059).

823 37. Lukk K, Veisson M, Ots L. Characteristics of sustainable
 824 changes for schools. *J Teach Educ Sustain*. 2008;9:35-
 825 44; Available from: [https://doi.org/10.2478/v10099-009-0017-](https://doi.org/10.2478/v10099-009-0017-2)
 826 [2](https://doi.org/10.2478/v10099-009-0017-2).

827 38. Kimmel DC, Weiner IB. *Adolescence: A Development Transition*.
 828 USA: Joney Wiley Sons Inc.; 1985;.

829 39. Hellevik T. Parents' support of young adult chil-
 830 dren: A shift from duty to voluntariness? *Tidsskr*
 831 *Samfunnsforskning*. 2007;48(1):33-61; Available from:
 832 <https://doi.org/10.18261/ISSN1504-291X-2007-01-02>.

833 40. Henninger WR IV, Gross PE. Maternal warmth: A re-
 834 examination of the role race and socioeconomic status
 835 play. *J Ethn Cult Divers Soc Work*. 2016;25(1):36-49; Available
 836 from: <https://doi.org/10.1080/15313204.2016.1145089>.

837 41. Eccles JS. The development of children ages 6 to 14. *Futur*
 838 *Child*. 1999;9(2):30-44; Available from: [https://doi.org/10.2307/](https://doi.org/10.2307/1602703)
 839 [1602703](https://doi.org/10.2307/1602703).

840 42. Rubin KH, Nelson LJ, Hastings P, Asendorpf JB. The transac-
 841 tion between parents' perceptions of their children's shyness
 842 and their parenting styles. *Int J Behav Dev*. 1999;23(4):937-
 843 57; Available from: <https://doi.org/10.1080/016502599383612>.

844 43. Soenens B, Vansteenkiste M, Lens W, Luyckx K, Goossens
 845 L, Beyers W, et al. Conceptualizing parental autonomy sup-
 846 port: Adolescent perceptions of promotion of independence
 847 versus promotion of volitional functioning. *Dev Psychol*.
 848 2007;43(3):633-46; PMID: 17484576. Available from: [https://](https://doi.org/10.1037/0012-1649.43.3.633)
 849 doi.org/10.1037/0012-1649.43.3.633.

850 44. Kwon HW, Erola J. The limited role of personal goal striv-
 851 ing in status attainment. *Soc Sci Res*. 2023;112:102797; PMID:
 852 [37061317](https://doi.org/10.1016/j.sresresearch.2022.102797). Available from: [https://doi.org/10.1016/j.sresresearch.](https://doi.org/10.1016/j.sresresearch.2022.102797)
 853 [2022.102797](https://doi.org/10.1016/j.sresresearch.2022.102797).

854 45. Allen P, Jessup B, Kirschbaum M, Khanal S, Baker-Smith V, Gra-
 855 ham B, et al. Preparing for success in final summative medical
 856 specialist examinations: The case for RACE. *BMC Med Educ*.
 857 2023;23(1):918; PMID: 38053089. Available from: [https://doi.](https://doi.org/10.1186/s12909-023-04920-y)
 858 [org/10.1186/s12909-023-04920-y](https://doi.org/10.1186/s12909-023-04920-y).

859 46. Zheng J, Huang X. On self-strengthening personality in Confu-
 860 cianism and its cultivation. *Adv Psychol Sci*. 2007;15(2):230-3;.

861 47. Wang Y, Li X, Bronk KC, Lin D. Factors that promote positive
 862 Chinese youth development: A qualitative study. *Appl Dev*
 863 *Sci*. 2023;27(3):251-68; Available from: [https://doi.org/10.1080/](https://doi.org/10.1080/10888691.2022.2060225)
 864 [10888691.2022.2060225](https://doi.org/10.1080/10888691.2022.2060225).

865 48. Shen CC, Lien HY. Development and validation of an adoles-
 866 cent resilience scale. *Bull Educ Psychol*. 2022;54(1):127-50;.

867 49. Hargreaves E, Quick L, Buchanan D. Systemic threats to
 868 the growth mindset: Classroom experiences of agency
 869 among children designated as 'lower-attaining'. *Camb J*
 870 *Educ*. 2021;51(3):283-99; Available from: [https://doi.org/10.](https://doi.org/10.1080/0305764X.2020.1829547)
 871 [1080/0305764X.2020.1829547](https://doi.org/10.1080/0305764X.2020.1829547).

872 50. Stahnke B. To be or not to be: Advice from long-term spouses
 873 in a mixed methods study. *Fam J*. 2023;31(2):262-8; Available
 874 from: <https://doi.org/10.1177/10664807221123555>.

875 51. Acevedo GA, Ellison CG, Yilmaz M. Religion and child-rearing
 876 values in Turkey. *J Fam Issues*. 2015;36(12):1595-622; Available
 877 from: <https://doi.org/10.1177/0192513X13504921>.

878 52. Choi KM, Kim C, Jones B. Korean immigrant fathers' percep-
 879 tions and attitudes toward their parenting involvement. *J Fam*
 880 *Issues*. 2023;44(5):1151-72; Available from: [https://doi.org/10.](https://doi.org/10.1177/0192513X211055512)
 881 [1177/0192513X211055512](https://doi.org/10.1177/0192513X211055512).

882 53. Betancourt TS, Abdi S, Ito BS, Lilienthal GM, Agalab N, El-
 883 lis H. We left one war and came to another: Resource
 884 loss, acculturative stress, and caregiver-child relationships
 885 in Somali refugee families. *Cult Divers Ethn Minor Psychol*.
 886 2015;21(1):114-25; PMID: 25090142. Available from: [https://](https://doi.org/10.1037/a0037538)
 887 doi.org/10.1037/a0037538.

888 54. Schissler M, Walton MJ, Thi PP. Reconciling contradictions:
 889 Buddhist-Muslim violence, narrative making and memory in
 890 Myanmar. *J Contemp Asia*. 2017;47(3):376-94; Available from:
 891 <https://doi.org/10.1080/00472336.2017.1290818>.

892 55. Nilan P, Parker L, Bennett L, Robinson K. Indonesian youth
 893 looking towards the future. *J Youth Stud*. 2011;14(6):709-
 894 28; Available from: [https://doi.org/10.1080/13676261.2011.](https://doi.org/10.1080/13676261.2011.580523)
 895 [580523](https://doi.org/10.1080/13676261.2011.580523).

896 56. Collin J. The complexity of Malay Muslim identity in Dina Za-
 897 man's I Am Muslim. *Gema Online J Lang Stud*. 2013;13(2);.

898 57. Murnane RJ, Willett JB, Braatz MJ, Duhaldeborde Y. Do dif-
 899 ferent dimensions of male high school students' skills pre-
 900 dict labor market success a decade later? Evidence from the
 901 NLSY. *Econ Educ Rev*. 2001;20(4):311-20; Available from: [https://](https://doi.org/10.1016/S0272-7757(00)00056-X)
 902 [doi.org/10.1016/S0272-7757\(00\)00056-X](https://doi.org/10.1016/S0272-7757(00)00056-X).

903 58. Smokowski PR, Reynolds AJ, Bezruczko N. Resilience
 904 and protective factors in adolescence: An autobi-
 905 ographical perspective from disadvantaged youth. *J Sch*
 906 *Psychol*. 1999;37(4):425-48; Available from: [https://doi.org/10.1016/S0022-4405\(99\)00028-X](https://doi.org/10.1016/S0022-4405(99)00028-X).

907 59. Dong X, Zhang M, Simon MA. The expectation and per-
 908 ceived receipt of filial piety among Chinese older adults in
 909 the Greater Chicago area. *J Aging Health*. 2014;26(7):1225-
 910 49; PMID: 25239974. Available from: [https://doi.org/10.1177/](https://doi.org/10.1177/0898264314541697)
 911 [0898264314541697](https://doi.org/10.1177/0898264314541697).

912 60. Teerawichitchainan B, Pothisiri W, Long GT. How do living ar-
 913 rangements and intergenerational support matter for psy-
 914 chological health of elderly parents? Evidence from Myan-
 915 mar, Vietnam, and Thailand. *Soc Sci Med*. 2015;136:106-
 916 16; PMID: 25993521. Available from: [https://doi.org/10.1016/](https://doi.org/10.1016/j.socscimed.2015.05.019)
 917 [j.socscimed.2015.05.019](https://doi.org/10.1016/j.socscimed.2015.05.019).

918 61. Knodel J, Nguyen MD. Grandparents and grandchildren: Care
 919 and support in Myanmar, Thailand and Vietnam. *Ageing Soc*.
 920 2015;35(9):1960-88; Available from: [https://doi.org/10.1017/](https://doi.org/10.1017/S0144686X14000786)
 921 [S0144686X14000786](https://doi.org/10.1017/S0144686X14000786).

922 62. Lin CYC, Fu VR. A comparison of child-rearing practices among
 923 Chinese, immigrant Chinese, and Caucasian-American par-
 924 ents. *Child Dev*. 1990;61(2):429-33; Available from: [https://doi.](https://doi.org/10.2307/1131104)
 925 [org/10.2307/1131104](https://doi.org/10.2307/1131104).

926 63. Cheung HS, Lim E. A scoping review of Singapore parenting:
 927 Culture-general and culture-specific functions of parenting
 928 styles and practices. *Infant Child Dev*. 2022;31(4); Available
 929 from: <https://doi.org/10.1002/icd.2312>.

930 64. Lin GX, Mikolajczak M, Keller H, Akgun E, Arikan G, Anunola K,
 931 et al. Parenting culture(s): Ideal-parent beliefs across 37 coun-
 932 tries. *J Cross-Cult Psychol*. 2023;54(1):4-24; Available from:
 933 <https://doi.org/10.1177/00220221221123043>.

934 65. Somasundram S, Habibullah MS, Sambasivan M, Rasiah R. An-
 935 tecedents of religious tolerance in Southeast Asia. *Soc Cap*
 936 *Subj Well-Being Cross-Cult Stud*. 2021;137-55; Available from:
 937 https://doi.org/10.1007/978-3-030-75813-4_7.

Social values that ASEAN's children can be encouraged today: A descriptive study based on six countries

Nguyen Huu Binh^{1,*}, Trinh Minh Thien²



Use your smartphone to scan this QR code and download this article

ABSTRACT

Nowadays, many studies indicate that parents play a crucial role in transmitting social values to their children, shaping certain standards for decision-making in their offspring. Drawing on the secondary data from the World Values Survey conducted from 2017 to 2022, this article extracts data from several countries in Southeast Asia (including Indonesia, Malaysia, Myanmar, Thailand, Singapore, and Vietnam) regarding the social values, which children should be encouraged to learn from their families. The processed data reveals the top 5 values selected by respondents are: 1) good manners, 2) responsibility, 3) tolerance and respect for others people, 4) independence, and 5) hard work. Furthermore, by using the Chi-Square technique, this study compares evaluations based on several socio-demographic characteristics. The results show that national factors differ statistically significantly across all 11 measured aspects, while living area and marital status only respond to 8 out of 11 items, and the number of children in the family shows the least difference in distribution. The findings from this article provide a robust foundation for developing population development policies, particularly targeting children in Southeast Asia in general and Vietnam in particular. Additionally, the article suggests avenues for Vietnamese's researches major in family and gender to explore leveraging data from the World Values Survey organization to analyze social value issues at the national and regional levels.

Key words: social values, ASEAN, World Values Survey, children, encouragement

¹University of Social Sciences and Humanities, VNUHCM, Vietnam

²Tu Du Hospital, HCM City, Vietnam

Correspondence

Nguyen Huu Binh, University of Social Sciences and Humanities, VNUHCM, Vietnam

Email: nguyenhuubinh@hcmussh.edu.vn

History

- Received: 13-02-2024
- Revised: 06-7-2024
- Accepted: 19-9-2024
- Published Online:

DOI :



Copyright

© VNUHCM Press. This is an open-access article distributed under the terms of the Creative Commons Attribution 4.0 International license.



Cite this article : Binh N H, Thien T M. **Social values that ASEAN's children can be encouraged today: A descriptive study based on six countries.** *Sci. Tech. Dev. J. - Soc. Sci. Hum.* 2024; ():1-1.